

Bài 90. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Không Hý Luận (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 16/07/2018

Hôm nay mình học tiếp bài Kinh 72, Kinh Chánh Kiến.

Đức Phật Ngài dạy rằng: “Có 4 điều kiện để một người chấm dứt phiền não, kết thúc sanh tử, đó là 2 pháp: chánh kiến và chánh tư duy. Chánh tư duy ở đây được chia ra 3 phần, cộng với chánh kiến thành 4 điều”.

Giáo lý tam học trong Bát Chánh Đạo như sau:

Chánh kiến và chánh tư duy thuộc tuệ học.

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc giới học.

Còn lại: chánh niệm, chánh cần, chánh định thuộc về định học.

Ở đây Ngài chỉ nói tuệ học thôi. Đó cũng là cách nói của Ngài, bởi vì trước hết không có ba-la-mật thì làm gì có giới học, mà không có nền tảng giới học thì làm gì có nền tảng của định học, mà không có định thì làm gì có tuệ, mà không có tuệ thì làm sao giải thoát. Cho nên có lúc Ngài chỉ kể tuệ, có lúc Ngài kể tam học, có lúc Ngài kể Bát Chánh Đạo, nhưng ở đây Ngài chỉ kể có tuệ học thôi.

Giống như ông bố nói với con: “Nếu không lo học hành, làm sao mai mốt có sự nghiệp?” Nhưng đứa con phải hiểu rằng muốn học hành phải có tùm lum chuyện khác. Trước hết phải có sức khỏe, và phải có vốn sống tối thiểu: gặp gỡ thầy bạn, rồi chỗ ở trọ, chuyện sinh hoạt mỗi ngày với bà chủ trọ, bà nấu cơm tháng cho nó; phải có mối quan hệ xã hội tốt. Thêm nữa, phải có điều kiện tài chánh tốt. Mỗi tháng ba mẹ cho nó bao nhiêu, nó phải biết xài như thế nào cho hợp lý, để nó còn có tiền cho tháng sau, cho cả năm học và bốn năm đại học.

Tất cả những thứ đó, bố chỉ gom chung lại một thứ thôi: “Con không lo học thì làm sao có sự nghiệp?” Thì đứa con nó phải hiểu ngầm chữ “lo học” này được đặt trên cái

nền tảng của bao nhiêu thứ khác nữa. Chứ bố nói như vậy không phải là bố nói thiếu. Bố thấy mình hư hỏng, lêu lổng, lười học thì bố nói: “Con không lo học thì làm sao mai mốt có sự nghiệp để lo cho ba má lúc luống tuổi?” Nếu như cái đứa này là sinh viên mà nó nói: “Sao bố nói thiếu, tại sao bố chỉ nói mỗi chữ học thôi?” thì đứa này không phải là sinh viên nữa, nó là đứa trốn viện đi ra hoặc chưa uống thuốc, chứ không có cách nào mà nó nói bố nói thiếu hết trơn.

Có trường hợp Ngài nhìn căn cơ của người trước mặt mà Ngài nói là 37 pháp Bồ-đề. Có lúc Ngài nói Bát Chánh Đạo, có lúc Ngài nói Thất Giác Chi, có lúc Ngài nói Ngũ Căn Ngũ Lực, có lúc Ngài nói tam học, có chỗ Ngài nói định và tuệ. Chẳng hạn như Tăng Chi phần 2 pháp, Ngài phải nói thế này: “Này các tỳ-kheo, đây là 2 pháp mà khi tu tập tới nơi tới chốn dẫn đến lợi ích lớn, dẫn đến giải thoát, thành tựu thánh trí, đó chính là thiền chỉ và thiền quán”. Ngài không nhắc gì tới giới hết. Có chỗ Ngài chỉ nói chỉ và quán thôi: samatha và vipassanā.

Sẵn đến hôm nay tôi xin nhắc lại, có những người lười đọc kinh điển, đọc ba chớp ba nhoáng chỗ này chỗ kia một chút, hoặc nghe đầu này đầu kia một chút. Kể cả một vị giảng sư rất nổi tiếng ở Sài Gòn, vị đó ở bên Bắc tông, vị đó nói rằng chữ vipassanā và khái niệm của vipassanā chỉ có ở đời sau, chứ đời xưa không có. Mà vị đó rõ ràng không đọc trong Chánh tạng. Trong Chánh tạng rõ ràng có nói chữ vipassanā mà. Trong Trường Bộ và Tăng Chi cũng có nói. Trong Trường Bộ là kinh Thập Thượng và kinh Phúng Tụng, trong đó Ngài có nói chỉ và quán mà, samatha và vipassanā có nói mà.

Tùy chỗ, tùy đối tượng, Đức Thế Tôn có cách trình bày về con đường giải thoát theo nhiều lối khác nhau. Như là bố mẹ dạy con cũng tùy đứa, tùy lúc mà cái kiểu nhắc nhở không giống nhau. Cũng cái đứa đó thôi mà tùy lúc mình nói thế này, tùy lúc mình nói thế kia, nhưng mà mục đích chung là muốn cho con nó tốt. Chứ không thể nào lúc nào cũng khư khư một chiều đó là: “Ủa sao bữa hôm bố nói học là tất cả, sao bữa nay bố nói sức khỏe là tất cả là sao?” Khổ như vậy đó.

Ở đây mình thấy con đường dẫn đến giải thoát, Đức Thế Tôn chỉ nói đến tuệ học thôi, đó là chánh tư duy gồm có 3:

1. Vô tham tư duy, ly dục tư duy: tầm viễn ly, tức là tâm sở vô tham, là không thích thú đam mê trong 6 trần.
2. Tâm vô sân: chính là tâm sở vô sân.
3. Tâm không hại: tức là bất hại tư duy, ở đây chính là tâm sở bi, tức bi, tùy hỷ trong vô lượng phần của tâm sở.

Tại sao 3 cái này quan trọng? Nghe cái tên nó hơi ngô ngô, nhưng ngẫm lại thì nó đúng, bao gồm tất cả. Là sao ta? Tu hành giải thoát là nhằm đến việc không thích gì, là vô tham; không bất mãn cái gì, là vô sân; và bức hại là không có lòng làm tổn thương, xúc phạm, chống phá, đối đầu với bất cứ người hay vật.

Tôi chỉ ví dụ nhẹ, quý vị đừng có lấy đó làm điều. Người chơi hoa, chơi kiếng, thấy chậu hoa lâu ngày không tươi, họ nhìn thấy họ cũng xót, thì có 2 trường hợp:

1. Là tiếc của.
2. Không nở nhìn thấy một sức sống đang bị héo úa, tàn phai, đang bị đe dọa; một sức sống quá đổi mong manh, họ không nở, không cam tâm, không nhẫn tâm.

Nói chi là mình nói, mình làm một động thái gì đó, lớn nhỏ, để đem lại máu và lệ cho người khác, cho chúng sinh khác; dầu đó là con ruồi, con kiến, con trâu, con chó, con heo, con dê, con người, nam phụ lão ấu, mà mình nói, mình làm sao đó cho người ta chảy máu hoặc chảy nước mắt thì mình không có làm. Đối tượng lớn là động vật, là chúng sinh; đối tượng nhỏ hơn là vật vô tri thì người tu hành không có nở, không cam tâm.

Đó là lý do mà Phật dạy tỳ-kheo không đào đất, đốt lửa, chặt phá, chặt đốn cây cỏ lớn bé. Bởi vì không nở, nhẫn tâm. Có vị nào mà nhà quê, nông thôn chắc biết là mình

chọt cái xuống của mình xuống đất, nếu thật sự mình là hành giả thường xuyên sống chánh niệm, an trú và từ tâm, thì khi mình xúc cái xuống xuống đất và đào lên, có biết bao nhiêu sinh vật sẵn sàng chết dưới cái lưỡi xuống, dưới cái nhát đào của mình hay không. Nếu mình thật sự sống bằng từ tâm liên tục và thường trực, một từ tâm tràn ngập, sung mãn, thì mình không nhớ làm chuyện đó, các vị biết không. Đó chính là bất hại tư duy: không nhớ, không cam tâm, không nhẫn tâm.

Còn vô sân tư duy là không bất mãn, bực mình cái gì ở đời, dù đó là nội nhân hay ngoại nhân. Nội nhân là chịu được những khó chịu của thân tâm, của bản thân mình, chịu được. Ngoại nhân là những gì ập từ bên ngoài vào như thời tiết nóng quá, lạnh quá, ruồi, muỗi, lời ong tiếng ve, thị phi... từ cuộc đời nhắm vào mình mà mình chịu đựng được.

Ly dục hay vô tham tư duy có nghĩa là khi 6 căn biết 6 trần, mình không để mình phải đắm đuối, mê mẩn, thích thú đối với...

với bất cứ thứ gì, nó chỉ là nó thôi.

Trên nguyên tắc là phải nói như vậy, chứ quý vị đòi hỏi ông nói như vậy mà ông đã đắc chưa thì không được. Tôi đang nói nguyên tắc thì phải nói như vậy. Chính ba cái này gọi là chánh tư duy.

Thật ra chỉ cần có chánh tư duy này là đại diện cho Bát Chánh Đạo rồi. Nhưng vì căn cơ của người trước mặt nên Thế Tôn phải nói thêm cái chánh kiến nữa. Đúng ra, chánh tư duy mà được tu tập rốt ráo thì phải cần sự hỗ trợ của bảy chánh còn lại.

Cái này là kinh nói chứ không phải tôi nói. Cái này mình được học bên Tương Ưng rồi. Không bao giờ có chuyện một người tu cái chánh này mà thiếu bảy cái chánh kia. Là không có. Nếu mà thiếu là tà đạo chứ không phải chánh đạo. Chánh đạo thì phải luôn tuân theo công thức này, tức là: một cho bảy và bảy cho một.

Giống với tinh thần của hướng đạo sinh, đó là: một cho tất cả và tất cả cho một. Đó là tinh thần đồng đội của hướng đạo sinh. Có nghĩa, dù mình là cậu bé nhỏ xíu mới ở tuổi sói thôi thì cũng phải luôn luôn nhớ trong một đoàn thể, trong một nhóm đạo đó là: “Một cho tất cả, tất cả cho một; một cho tất cả, tất cả cho một”, thì cái tập thể đó mới mạnh. Từng người phải nghĩ cho đoàn thể và đoàn thể phải biết chăm sóc cho từng người.

Có một lần Đức Thế Tôn đến thăm ba vị tỳ kheo ở chung với nhau trong một khu vườn. Ngài hỏi:

“Vậy chứ trong ba tháng an cư vừa qua, các vị ở đây có an lạc không, tu tập có tiến bộ không?”

Các vị mới bạch Thế Tôn:

“Chính vì chúng con an lạc nên chúng con tu tập rất tiến bộ, rất là có kết quả.”

Rồi Đức Thế Tôn mới hỏi:

“Vì sao các người được như vậy?”

Các vị thưa:

“Bạch Thế Tôn, chúng con sống theo quy tắc là: bỏ tâm mình để chạy theo tâm người.”

Mình nghe như vậy chắc mình tưởng mấy vị này phóng dật, thất niệm. Điều đó là không phải. Mà “bỏ tâm mình chạy theo tâm người” là lúc nào làm cái gì cũng nghĩ tới cảm giác, quyền lợi của người ta hết.

Đang đi kinh hành chánh niệm ngon lành, tự nhiên thấy cái lá, miếng rác cũng cúi xuống lượm, vì không muốn lát sau hai ông kia ra nhìn thấy ngứa mắt. Rồi ba vị sống với nhau, thấy lu nước bị cạn một chút cũng ráng đi lấy nước bỏ vô, vì không muốn hai vị kia lát nữa cần xài mà không có nước. Tối đi ngủ coi cửa lớn cửa bé đã đóng

chưa, vì không muốn nửa đêm nửa hôm mưa tạt gió lùa, anh em người ta đang ngủ bị giật mình, người ta đang tọa thiền bị phân tâm.

Cho nên vị này làm gì, nhất cử nhất động, nghĩ thấy cho hai vị kia. Và một trong hai vị kia làm cái gì cũng nghĩ tưởng đến hai vị còn lại. Các vị tưởng tượng đi, sống kiểu đó mà làm sao không an lạc cho được. Trong trường hợp đó gọi là đoàn thể hùng mạnh: một cho tất cả và tất cả cho một.

Trong đạo nghiệp tu tập của chúng ta cũng y chang như vậy đó. Có nghĩa, nó cũng trên công phu: một cho bảy và bảy cho một. Khi mình nói đến tu tập Tứ Chánh Cần thì mình ngầm hiểu bảy ông thầy chánh kia cũng lấp ló, núp lùm đâu đó, chứ không có cách chi mà vắng mặt được. Bởi vì bảy cái kia thiếu thì cái này không được gọi là chánh. Chẳng những không được gọi là chánh mà nó cũng không thể có mặt và không thể thực hiện.

Đây là lý do vì đâu mà chỗ này Thế Tôn không nói đến tám chánh, mà Ngài chỉ nói đến hai chánh thôi, là chánh tư duy và chánh kiến. Vì đâu mà có cách nói này? Là bởi vì cái căn cơ của người trước mặt. Họ kỵ số tám vì họ thấy nhiều quá họ sợ, mà nói số một thì ít quá. Nói chánh tư duy không thì nó ít, phải dụng vô cái chánh kiến cho nó vừa sức.

Có nhiều người kỳ lắm quý vị. Quất hai chén thì nó no, mà một chén thì nó ít, phải chén rượu mới vừa cái bụng. Mình thấy cái đó hình như đúng. Ví dụ múc mà đầy họ không chịu, họ nói: “Thôi, em ăn ít lắm, ăn lưng lưng thôi.” Vậy chứ làm hết một chén, mình làm thêm cho họ nửa chén nữa thì họ lại ừ. Chứ này quất luôn chén đầy luôn đi, nhưng: “Không, em ăn ít lắm, em ăn ít lắm.” “Nam thực như hổ mà hổ thực như nam”, họ nói vậy thôi, chứ lát nữa thêm nửa chén nữa thì thôi họ cũng sức luôn.

Cho nên ở đây mình phải hiểu ngầm như vậy. Cái thứ nhất, chánh tư duy phải hiểu như vậy đó.

Bây giờ mình qua đến chánh kiến.

Vào Trung Bộ đọc bài Chánh Tri Kiến để hiểu chữ chánh kiến được định nghĩa rộng rãi nhất như thế nào. Là phân biệt thiện ác, thấy được Bốn Đế và Mười Hai Duyên Khởi trong từng giây phút thiện ác.

Bước một: hồi chưa biết đạo thì mình chỉ chạy theo thích, ghét, buồn, vui. Còn có hại mình, hại người, đời này, đời sau thì không thành vấn đề. Cứ kệ nó mà chạy theo bốn chữ đó.

Bước hai: biết đạo kiểu sơ cơ thì mình chỉ quan tâm đến thiện ác thôi, cái gì là thập thiện, cái gì là thập ác.

Bước ba: khi tu tập rất ráo thì hiểu được rằng thiện, ác đều là nhân sanh tử. Thiện đưa ta đi cõi lành, ác đưa ta đi cõi khổ. Ở đâu, đến mãn thọ thì cũng phải bỏ đó mà đi nơi khác.

Nên hành giả Tứ Niệm Xứ chỉ một lòng quan tâm tánh sanh diệt của thân tâm để sanh chán sợ sinh tử. Phát hiện một ác tâm xuất hiện thì biết ngay đây là ác hành trong Mười Hai Duyên Khởi, nhân dẫn đến tâm thức tái sanh về cõi đọa. Phát hiện một tâm lành thì biết ngay đây là phúc hành, thiện hành, nhân tạo ra thức tái sanh về cõi vui.

Dầu là cõi khổ hay cõi vui cũng là khổ đế. Thích trong cõi nào cũng là thích trong khổ đế, mà thích trong khổ đế chính là tập đế. Trí hiểu được vậy gọi là chánh kiến.

Dầu về cõi nào, hết mãn thọ cũng phải đi qua chỗ khác. Mà chỗ khác là chỗ nào thì tùy vào tiền nghiệp của mỗi người.

Thí dụ: người Phật tử tu hành cực kỳ dễ thương, hiền định, giữ giới, bố thí, phục vụ, nghe pháp tụng lum, chết rồi ôm cái đó mà đi. Ví dụ như vậy. Chưa kể đến lúc ngáp ngáp tay bắt cánh chuồng, thì lúc đó mình lại đi tái sanh bằng cái nghiệp cách đây bốn trăm kiếp về trước thì tôi chưa nói, mà tôi chỉ đang nói mình đi bằng cái nghiệp thiện này đó nha.

Có nghĩa, khi tắt hơi, ngay cái lúc tiền nghiệp quá khứ nó trở. Lúc nào cũng trở hết, nhưng mà nhằm ngay lúc nó trở quả hay không. Nếu mà nó ra trái ngay lúc đó thì mình cầm cái trái đó mình đi. Nếu ngay khoảnh khắc tích tắc đó mà nghiệp quá khứ nó không chen vào, thì lúc đó sẽ dùng cái nghiệp ngay kiếp hiện tại này.

Có bốn nghiệp hiện tại, là cái nghiệp mình tạo ra đời này:

Một, hiện nghiệp: là nghiệp thiện ác trở quả nhãn tiền, vừa làm cho quả xong.

Hai, sanh báo nghiệp: là nghiệp thiện ác cho quả ngay kiếp sau kể từ kiếp này.

Ba, hậu báo nghiệp: là nghiệp thiện ác cho quả từ kiếp thứ hai trở đi.

Bốn, vô hiệu nghiệp thì tôi không nói tới ở đây làm chi.

Như vậy là mình trong kiếp

Này, tạo nghiệp thiện, nghiệp ác có 3 loại:

Hiện nghiệp: chắc không có rồi. Hiện nghiệp là nghiệp thiện ác quá mạnh, nó có thể cho quả ngay nhãn tiền. Trong kinh ghi là vừa làm cho quả xong cũng gọi là nhãn tiền. Thí dụ như mình vừa làm cái gì đó xong mà mình được hưởng ngay cái phúc hoặc chịu họa ngay tức khắc thì cũng được gọi là hiện nghiệp.

Trường hợp hai là ngày khác, tháng khác, quãng đời khác. Thí dụ như hồi trẻ mình làm, tới tuổi trung niên mình mới có quả ác và quả thiện. Hoặc là tuổi trẻ làm, tuổi già mới gặt hái; hoặc trung niên làm, tuổi già mới hái. Miễn trong kiếp này được gọi là hiện nghiệp hết. Nhanh thì ngay trước mắt, chậm thì nó trễ đi vài tiếng, vài ngày, vài tháng, vài năm, thập niên.

Nghiệp thứ hai là trở qua ngay sau khi ta tắt thở.

Nghiệp thứ ba là trở từ nghiệp thứ hai kể từ đời này trở đi.

Dù mình có tu hành cỡ nào đi nữa thì mình cũng chỉ huân tập được vài chục năm thôi, còn khi mình tắt thở mình sẽ phải đi theo vô số nghiệp, chứ không phải chỉ riêng kiếp này. Nói chung đũa nào mạnh nhất thì nó sẽ cho quả lúc đó.

Trong kinh có ví dụ giống như bầy bò buổi sáng ra khỏi chuồng, con nào mà đứng gần cửa chuồng nhất thì sẽ ra ngoài trước nhất. Ở đây cũng như vậy, khi mình tắt thở mà nghiệp nào ngay cái lúc trở quả thì nó sẽ kéo mình đi.

Thí dụ cả đời quý vị coi như cùng hung cực ác, đâm cha chém chú, nhưng đến lúc cận tử ngáp ngáp, một cái quả lành nào từ cái đời quá khứ xa xưa nó trở thì coi như các vị vẫn đi lên như thường. Coi như có vị một đời tu hành ngon lành, mà trong khi lúc cận tử có tiền nghiệp nào tào lao trong quá khứ lúc đó nó ra trái là phải chịu thôi.

Tôi có thể ví dụ như thế này: thằng Tèo và thằng Tý. Thằng Tèo làm biếng kinh hoàng luôn, nó ăn nhậu, nghiện ngập tùm lum, mà chớ hề động tay động chân ra ngoài ruộng, ngoài vườn làm gì hết. Nhưng cách đây 6 năm trước, có lúc nó trồng sầu riêng, măng cụt, nhãn, ổi, chôm chôm. Cho nên bây giờ dù nó có hư đốn, nghiện ngập, hư hỏng đi chăng nữa, nhưng vườn của nó vẫn đầy cây trái.

Trong khi thằng Tý siêng quá mức, nó cứ quần quật đầu tắt mặt tối, nhưng khổ nỗi những cây mà thằng Tý trồng tạm thời chưa ra trái, thì dù nó có siêng bằng trời, nó cũng phải chịu thèm, chứ không thể nào nó có để ăn.

Vừa rồi tôi đã giảng xong bài Kinh Chánh Kiến. Con đường giải thoát có nhiều cách trình bày, này đã nói rồi, nhưng đây cũng là một trong những cách.

Tiếp theo là Kinh Chân Nhân.

Chân Nhân tiếng Phạn có nghĩa là Sappurisa, có nghĩa là hiền nhân, trong đây gọi là chân nhân. Các vị có biết là trong kinh tiếng Việt mình vay mượn rất nhiều từ của Lão giáo như đạo sĩ hay chân nhân.

Có 4 trường hợp. Trước khi nói chân nhân là gì, thế nào là hiền nhân, thì Đức Phật Ngài định nghĩa thế nào là không phải người hiền nhân trước cái đã.

Trường hợp 1: chưa được hỏi đã nói xấu người khác, nói gì là được hỏi.

Trường hợp 2: không biết tán thán ai, dầu được ai đề nghị cũng không nói, nói gì là được ai đề nghị.

Trường hợp 3: dầu không ai hỏi cũng tự nói tốt về mình, nói chi là có người gợi ý.

Trường hợp 4: không bao giờ nhận mình sai, nói gì là không ai gợi ý.

Ngược lại 4 trường hợp này được gọi là quân tử, hiền nhân. Nói gọn lại thì kẻ tiểu nhân chỉ thích nói tốt về mình, e ngại nói tốt về người khác; chỉ thích nói xấu người khác, e ngại phải tự nhận cái xấu của mình. Nói chung khen và chê mình và người, tổng cộng là 4.

Bậc chân nhân, hiền nhân thì luôn thích nói tốt cho người khác, dù không có người gợi ý, miễn có dịp là nói tốt cho người khác, và không thích nói xấu người khác, dầu có được gợi ý cũng không thích nói.

Còn về bản thân mình, sẵn vị hiền nhân quân tử, sẵn sàng nhận phần lỗi về mình, dầu người ta chưa đề nghị là mình đã có cái gan mình nhận phần lỗi về mình, nếu mình có lỗi thiệt. Vị hiền nhân quân tử không có hứng thú lắm trong việc nói tốt về bản thân mình.

Đây là 4 điều phi chân nhân. Nói ngược lại thì nó sẽ lòi ra 4 điều chân nhân. Muốn cho dễ nhớ, mình chỉ chốt lại 4 chữ thôi, đó là: khen và chê, mình và người.

Nói chung kẻ tiểu nhân và bậc quân tử đều có 2 cái thích và 2 cái không thích.

Kẻ tiểu nhân thích nói xấu người, thích nói tốt mình.

Kẻ tiểu nhân không thích nói tốt người và không thích nói xấu mình.

Bạc quân tử thì ngược lại:

Không thích nói xấu người và không thích nói tốt về mình.

Không thích nói tốt về mình và có khả năng nhận phần lỗi về mình.

Nghe qua thì chắc nhiều người trong room ngáp dài sẽ nói: “Ôi, ba cái bài giáo dục công dân này có khi gì đâu mà cao siêu.” Dạ thưa, không đơn giản như vậy đâu. Các vị có là ai trong cuộc đời này, có tóc hay không tóc, tôi xin thưa cái máu hèn trong quý vị nó cuộn cuộn như thác đổ.

Máu hèn là mình không dám nhận mình là thằng tồi, mình khó mà có can đảm nhận lỗi về mình, đó là chuyện thứ nhất. Chuyện thứ hai là khuynh hướng của thiên hạ thích đập cho mày chết, phù thịnh không phù suy; đứa nào mà đang thị phi tai tiếng là cho mày chết luôn.

Khuynh hướng của chúng sanh là như vậy, trong cái máu của mình, huyết quản của mình, trong dòng chảy hàn lâm của mình, tách đổ kỳ hun hút ngàn trượng chứ không phải thường. Cho nên có điều kiện cho thằng nào xuống xình là mình đập thẳng cẳng.

Bài kinh này đâu phải bài kinh giáo dục công dân, mà bài kinh này là cú đâm thẳng vào tử huyệt phạm tâm của chúng ta, nói thẳng từng cái hèn của phạm phu chúng ta.

Hôm qua tôi có nói mà nhiều người không có hiểu. Tôi nói nếu mình không ưa người ta thì mình ngừng lại ở cái mức đó, chứ đừng có đi xa qua tới cái ghét. Không thích nói khác mà ghét nó khác. Không thích là mình không có lân la, chứ mình không đem người ta để vào lòng mình, để ngày đêm mình tưởng nhớ với nỗi niềm hằn học sôi sục, cái đó là qua tới ghét rồi.

Còn đảng này không ưa có nghĩa là tôi không để bóng dáng anh ghé lại bên thềm lòng của tôi. Thềm lòng tức là tấm lòng, mà mình không cho bóng dáng nó hé vào, chứ đừng có nói mà chứa vào bên trong.

Nếu là lỡ có trót ghét, trót có thành kiến, ác cảm với người ta, thì hãy để nó dừng lại ở mức ý nghiệp thôi, để trong lòng cho mình biết mình thôi, chứ không nhất thiết phải tuôn nó ra lời, cho nó lòi ra ngoài thân, ngoài miệng chi. Nó không có lợi gì cho mình hết.

Bài kinh Chân Nhân này nó sâu là nó sâu ở chỗ nào? Đó là bài kinh này chọt vào tử huyệt của phàm tâm.

Chúng ta có khuynh hướng thích nói tốt về mình, về những người mình thương, mà ngại nhận phần xấu, phần lỗi về mình, về những người mình thương. Cái tốt cũng vậy, mình thích nhận cái tốt về mình, về người mình thương; còn cái xấu thì mình đẩy hết cho thiên hạ.

Bởi vì sao mà nó lòi ra cái hèn này? Đó là vì thân kiến. Khi mình chưa hiểu mình được cấu tạo như thế nào thì mình mới tìm qua đó một cái tôi. Và dĩ nhiên, cái tôi ở đâu thì cái của tôi nó nằm kế bên. Khi mà cái tôi và cái của tôi nó lớn và nó quan trọng, lớn chuyện đối với mình, thì nó mới lòi ra cái mặt mũi sĩ diện. Từ đó mới lòi ra thị phi, khen chê.

Chứ một người mà đã coi nhẹ hình hài này, chán sợ cái sự hiện hữu này, chán sợ trong cái sự góp mặt của cõi trầm luân này, thì họ không hơi sức đâu mà bận tâm đến chữ khen chê.

Các vị không tin thì tôi đành làm cái chuyện rất là ác đó là tôi cầu cho quý vị bị bác sĩ phán, hoặc tặng cho giấy xét nghiệm gửi qua bệnh viện ung bướu quốc gia. Thì lúc đó chưa có đặc gì hết đâu, lúc đó quý vị thấy tình hình nó thay đổi nhiều lắm. Lúc đó người ta có đứng trước nhà mà chửi cha mình thì khả năng chịu đựng của mình là rất lớn.

Là vì sao? Là vì cái giấy xét nghiệm của bác sĩ cứ phát phơ trước mặt mình như một lời réo gọi bên kia huyệt mộ của tử thần. Chỉ cần bác sĩ nghi chứ bác sĩ chưa nói bệnh: “Thôi bây giờ tôi sẽ gửi cái giấy cho anh chị sang bên đó nha, coi bên đó nói

sao chứ tôi thấy nó hơi ngộ ngộ.” Chỉ cần bác sĩ nói chừng đó thôi là quý vị thay đổi thái độ 180 độ luôn, chứ chưa có đặc gì hết, chưa thấy Phật, chưa thấy Thánh gì hết.

Nói tới đây tôi nhớ ra một chuyện.

Có một chiếc thuyền buôn đi trên biển. Ông thuyền trưởng đang ghi chép sổ sách trong cabin thì nguyên cái đám thủy thủ chạy vô, mặt tái mét không còn miếng máu. Nó nói:

“Thuyền trưởng ơi, có đám hải tặc phía trước.”

Thì ông hỏi:

“Tàu lớn hay tàu bé, đông hay ít?”

Tụi này nói:

“Dạ tầm năm, bảy đứa.”

Khi ấy ông thuyền trưởng bảo:

“Hãy tìm nhanh cho ta áo khoác màu đỏ.”

Tụi thủy thủ chạy đi tìm áo màu đỏ. Xong ông mặc rồi ông giết sạch mấy tên cướp. Khi đó tụi thủy thủ hỏi:

“Tại sao ông chọn áo màu đỏ?”

Ông nói:

“Bởi vì lúc đó ta muốn các anh em trong đoàn không thấy ta chảy máu, các vị sẽ can đảm chiến đấu hơn.”

Vài ngày sau, tụi thủy thủ chạy vào báo:

“Thưa thuyền trưởng, lần này lại có cướp mà lần này nó đông gấp năm lần kỳ trước.”

Nói như vậy thì ông thuyền trưởng bảo:

“Kiểm cho ta cái quần đen.”

Thủy thủ ngạc nhiên hỏi:

“Tại sao?”

“Kỳ trước nó quá ít thì ta không muốn anh em thấy ta đổ máu để sĩ khí dâng lên. Còn lần này đông quá nên ta không muốn anh em nhìn thấy ta gặp trục trặc gì hết, nên kiểm cái quần đen.”

Tôi không phải kể chuyện tào lao. Tôi thử quý vị thôi. Cái chuyện đó mà không hiểu thì làm sao nghe hiểu kinh được? Mặc áo đỏ để không thấy máu, còn mặc quần đen để không muốn thấy cái gì không nên thấy. Ông nghe đối phương đông gấp năm lần nên cái gì nó ra được là nó ra hết.

Trong room này có ai biết bài Kinh Từ Bi không? Trong bài kinh Karaniyametta, trong room có biết không ta? Trong bài kinh đó có chữ appagabbho, có nghĩa là không có bạt mạng, bất chấp.

Cho nên hồi này, trước khi chuyển qua bài kinh mới, tôi đã viết cái chữ bạt mạng, liều mạng, bất chấp, bất kể quân thần, được gọi là pagabbha. Đức Phật Ngài dạy một vị tân thọ tỳ kheo hoặc người mới tu thì đúng là appagabbha, có nghĩa là đi đứng, nói năng luôn luôn chừng mực, biết chuyện, biết lúc nào nên lên tiếng, lúc nào cũng biết ý tứ cẩn thận.

Nhưng mà dần dần theo thời gian năm tháng, bắt đầu chai dần đi, bị sự lơ lửng, bị bỏ ngỏ. Rồi quen biết người này người kia, rồi bản thân mình niên cao lão trưởng, có quen biết, có uy tín, có chút tiếng tăm, cũng học trò đệ tử. Rồi dần dần mình thấy người ta bái lạy, quỳ cơm, bưng nước rót, nó quen. Sẽ có một ngày coi như mình không còn như cái thuở nào mới tu nữa. Mình hành xử một cách bạt mạng, liều lĩnh, bất chấp. Cái đó tiếng Pali gọi là pagabbha.

Cho nên Đức Phật Ngài dạy là người trong đạo hay ngoài đời phải luôn nhớ rằng chúng ta phải luôn “tương đãi như tân”, có nghĩa là lúc nào cũng nên giữ lại một tí khách sáo, một tí khoảng cách cần thiết trong hành xử.

Tàu nó có một câu là: “Phu phụ tương đãi như tân.” Dầu lấy nhau bốn mươi năm, có với nhau tám mặt con, thân thiết gì thân thiết, kề vai tựa má, đầu ấp tay gối cỡ nào cũng phải có một chừng mực. Lúc nào nói chuyện với nhau cũng dạ. Người Việt Nam mình không có cái đó, họ thấy kỳ lắm.

Có mấy lần tôi dạ bằng phone, viết mà tôi dạ thì mấy người trong nói: “Sư đừng có dạ, dạ con có tội.” Nhưng thật ra chữ dạ ở đây nó làm mềm không khí thôi, mà họ hiểu chữ dạ là tôi đội họ trên đầu hay sao đó. Họ kêu tôi đừng có dạ, chứ đúng ra là phu phụ tương đãi như tân.

Tôi không vợ, không con, không bồ, không bạch, nhưng tôi rất ngưỡng mộ mấy trường hợp mà tôi thấy người ta nói chuyện với nhau cứ là anh em ngọt xớt. Vợ chồng cứ dạ lẫn nhau, đặc biệt là bên Mỹ. Tôi có thấy cặp vợ chồng mà chồng năm nay 94, vợ 86, mà họ mùi hơn cái gì. Bả nói chuyện vẫn anh xưng em mà một dạ, hai cũng dạ, đẹp quá. Không biết mình đi về rồi, cửa khép lại, họ có như thế nào không biết, nhưng hai mươi năm trời biết họ mà đúng là tương đãi như tân.

Ở đây trong đạo cũng vậy. Vị tỳ kheo phải có đủ chánh niệm, đủ từ tâm, đủ trí tuệ và tế nhị để mà suốt một đời tu, dù đạo nghiệp có cao như núi, vẫn luôn luôn khiêm nhu, không liêu lĩnh, bạt mạng, bất chấp.

Phải luôn luôn sống bằng tâm niệm như thế này. Đoạn 3 của bài kinh:

“Này các tỳ kheo, do đó các thầy phải học tập và tâm niệm như sau: Ta sẽ sống với tâm thái, tâm trạng của người vợ trẻ khi mới đến nhà chồng.”

Là như thế.

Và để thực hiện được cái chuyện này thì ta phải nhẫn nại, phải hành xả, phải có trí tuệ, phải có từ tâm. Chúng ta phải có một núi đạo nghiệp thì chúng ta mới có khả năng sống bằng cái tâm tình của một vợ trẻ, một cô dâu mới. Không đơn giản đâu nha.

Giống như người ta nói nhẹ: “Nhớ chăm sóc chậu hoa này dùm.” Chỉ nghe chữ chăm sóc thôi, nhưng mình biết đằng sau chữ chăm sóc đó nó phải có kiến thức, phải có sự nhẹ tay nhẹ chân, phải có đầu óc quan sát tình huống thì mình mới làm được cái chuyện chăm sóc chậu hoa. Mình phải hiểu ngầm là cứng như trứng, hững như hoa. Chỉ cần mình nói là trứng đó nha, thì tự người ta biết điều đó rồi.

Tôi nhớ, tôi lại kể chuyện tào lao đó là: có anh chàng lên xe đò Việt Nam, ảnh leo...

Lên ảnh, thấy nguyên đồng bao, ảnh nhảy lên ảnh ngồi thì nghe thấy tiếng bà chủ xe bả nói: “Coi chừng dập.” Thì ảnh hỏi: “Trời ơi, bà để cái gì trong đây vậy?” Bả mới nói: “Đó là sầu riêng.”

Thì khi mà ảnh nghe thấy “sầu riêng” là ảnh biết coi chừng bể, coi chừng dập không phải là cái trong bao mà là ảnh. Ở đây cũng vậy, chỉ cần bả nói “sầu riêng” thôi là tự nhiên ảnh biết phải làm gì, và cái động từ “bể” và động từ “dập” đó là cho cái gì chứ không phải là cho cái bao đó. Một chữ thôi, quý vị là hiểu ngay tình huống.

Thì ở đây Ngài chỉ nói: ta hãy sống với tâm trạng của người vợ trẻ khi mới về nhà chồng là đủ rồi.

Tiếp theo là bài kinh 75 này nó sâu, bơi không đến bờ mà lặn không đến đáy. Cái bài này mà bà con đọc một mình là chỉ có chết thôi nha.

Ở đây này, các tỳ kheo, có bốn sự tối thượng này, đó là: “giới tối thượng, định tối thượng, tuệ tối thượng, giải thoát tối thượng.” Bài kinh đọc có nhiều đó. Sâu là sâu cái gì trời? Dạ thưa, sâu kinh hoàng.

Giới tối thượng là sao? Chỉ có giới nào dẫn đến La Hán quả và là cái nếp sống tâm tư của La Hán thì giới ấy mới được xem là tối thượng. Gọi là tối thượng vì vị La Hán không còn gì để trau dồi thêm nữa. Ở đây, giới tối thượng, định tối thượng, tuệ tối thượng, giải thoát tối thượng: bốn cái này ở vị La Hán mới được xem là tối thượng, cao nhất.

Đoạn số 2, Ngài lại thuyết tiếp bốn sự tối thượng: tối thượng sắc, tối thượng thọ, tối thượng tưởng, hữu tối thượng là sao ta?

Sắc tối thượng là: ở đây mình hiểu nô nê, nói luôn cho mấy người sơ cơ còn nằm ngửa bú bình nghe giáo pháp.

Sắc ở đây là gồm tất cả những gì thuộc về vật chất gồm: sắc, thanh, khí, vị, xúc. Trong vô số kiếp sanh tử luân hồi, chúng ta đã bao nhiêu lần nhìn thấy những cái mà mình gọi là khoáng chất, kim loại, nhân tạo, thiên nhiên. Về màu sắc thì chúng ta đã từng nhìn thấy biết bao nhiêu là màu sắc. Về chất liệu, chúng ta đã biết qua bao nhiêu là chất liệu. Hình dáng thì chúng ta cũng thấy biết bao nhiêu là thứ hình dáng tạo tác từ bàn tay con người cho đến tự nhiên thiên nhiên của trời đất. Nói chung là chúng ta từng thấy, nghe, nếm, đụng bao nhiêu thứ ngoại trần.

Nhưng rồi thì sao? Sau chừng ấy thời gian sanh tử, sữa mẹ mình bú nhiều hơn nước trong bốn biển, máu và mồ hôi mình đổ ra nhiều hơn nước trong bốn biển, nước mắt mà mình đổ ra nhiều hơn nước trong bốn biển. Trong chừng ấy thời gian dài thăm thẳm, mắt chúng ta đã nhìn thấy bao nhiêu hình dáng màu sắc nọ kia. Tai chúng ta nghe bao nhiêu là âm thanh, tiếng động nọ kia. Mũi, lưỡi, thân, ý chúng ta suy tư. Chừng ấy nội căn, biết bao nhiêu là ngoại trần. Ấy vậy mà hôm nay chúng ta vẫn còn ngồi đây trong cái hình hài của một phàm phu.

Như vậy sắc tối thượng ở đây là cái gì? Cái gì mà trong vô số kiếp ta chưa từng thấy qua?

Mọi thứ ở đời có hai khía cạnh để quan sát và nhận thức, đó là bản chất và hiện tượng, tức là chân đế và tục đế. Về hiện tượng, chúng ta gọi đó là mây, là sương mù, nhưng về bản chất nó chỉ là hơi nước, chỉ là H₂O thôi.

Như chúng ta cũng biết, thành phần cấu tạo nên con người chỉ nằm trong chữ CHON mà thôi, quý vị biết không? CHON ở đây có nghĩa là:

C: Carbon.

H: Hydrogen.

O: Oxygen.

N: Nitrogen, tức là ni tơ.

Như vậy chữ CHON này cấu tạo nên con người. Về mặt bản chất thì chúng ta chính là bốn cái này. Nhưng đó chỉ là về mặt bản chất của thân người, còn về hiện tượng là: nam phụ, lão ấu, đẹp xấu, mập ốm...

Sắc tối thượng: ở đây là vật chất ở cái mức độ rốt ráo nhất mà từ vô lượng kiếp ta chưa từng biết qua lần nào. Khi hiểu được bản chất tứ đại là: đất, nước, lửa, gió của vật chất một cách rốt ráo, không thông qua kiến thức vay mượn từ người hay sách, ta mới vĩnh viễn không còn đam mê vật chất nữa.

Hiểu được khía cạnh bản chất rốt ráo nhất của vật chất mà hiểu được bằng trí tuệ tu tập, thì lúc đó người ta dứt khoát phải trở thành bậc Thánh ở tầng cao nhất, chứ còn cái thấy của vị A-na-hàm cũng chưa được cao nhất.

Phải như vị A-la-hán, khi vị đó quán chiếu tận cùng danh sắc thì sẽ thấy tất cả đều là khổ đế, sẽ thấy đam mê nào cũng là đam mê trong khổ đế. Tập đế chính là niềm đam mê này, còn thích khổ đế thì còn đầu tư tập đế. Muốn hết khổ đế phải chấm dứt niềm đam mê ấy. Sự vắng mặt của tập đế chính là diệt đế. Sống bằng ba nhận thức trên đây chính là đạo đế, con đường dẫn đến diệt đế, tức con đường thoát khổ.

Thọ tối thượng: khi hiểu rõ ráo mọi cảm giác buồn vui thật ra là những gì, ta cũng sẽ vĩnh viễn không còn đam mê hay trốn chạy bất cứ một cảm giác nào nữa.

Tưởng tối thượng: là tất cả kinh nghiệm, hồi ức, kiến thức từ vô lượng kiếp mà ta biết qua chỉ là ở khía cạnh hiện tượng. Nếu ta biết rằng chúng chỉ là sự huân tập của cái biết phàm phu dựa trên khía cạnh hiện tượng, thì ta sẽ vĩnh viễn không đam mê hay ghét sợ chúng nữa.

Ví dụ tôi có bằng bác sĩ, bằng luật sư, bằng kỹ sư, dược sĩ, nha sĩ, tôi là nhạc sĩ, là nhà thơ, là nhà khoa học, giáo sư đại học... Tất cả những kiến thức ghê gớm đó nó đều là tưởng uẩn hết. Và bao nhiêu kiếp rồi ta đã sống với cái biết đó, với cái biết về hồi ức, kinh nghiệm và kiến thức đó. Cái biết đó gọi là tưởng. Và tôi đã sống với bao nhiêu cái kiếp mà tôi vẫn tiếp tục là phàm phu, vẫn tiếp tục là đau khổ.

Phải đợi đến một ngày mà tôi hiểu ra rằng: Ồ, thì ra do tiền nghiệp, do khuynh hướng tâm lý mà tôi phải trôi nổi từ thân này sang thân khác trong cái tử sanh trường mộng, ở cái cảnh giới này chán rồi qua cảnh giới kia. Ở mỗi cảnh giới tôi lại huân tập, tích lũy những cái biết khác nhau. Khi tôi làm chó, làm heo, làm dòi, làm trùng, làm dế, thì mỗi kiếp như vậy tôi lại huân tập cái biết khác nhau về cuộc đời, và dĩ nhiên chỉ là trên khía cạnh hiện tượng mà thôi.

Phải đợi đến một ngày tôi gặp được bạn lành, sống được trong trú xứ thích hợp, được nghe chánh pháp, tôi mới ý thức được mọi thứ là khổ. Rồi tôi mới tu tập các hạnh lành mà người ta gọi là ba-la-mật. Cái ba-la-mật ấy một ngày kia nó chín muồi, tôi trở thành Độc Giác, hoặc Toàn Giác, hoặc trở thành đệ tử của bậc Toàn Giác, được gọi là Thịnh Văn Giác.

Khi tôi quán chiếu danh sắc và tôi thấy: À, thì ra tất cả những cái biết, hồi ức, kiến thức, kinh nghiệm xưa giờ của mình nó đi ra từ cái chuyện nay ghé bến này, mai ghé bến kia mà có. Mà cái biết đó là cái biết trên mặt hiện tượng, nó không có xài được. Bởi vì những cái biết

Nó không dẫn đến sự chán sợ sanh tử.

Con dòi nó thấy đồng phân là đẹp, thơm, ngon. Con cạp nó thấy máu tươi thịt sống là ngon, là đẹp. Phụ nữ thích cái món của phụ nữ, còn đàn ông thích cái món của đàn ông. Chư thiên thích cái món của chư thiên, mà Phạm thiên thích cái món của Phạm thiên.

Tất thấy chính vì cái duyên nghiệp trong nhiều kiếp, cộng với khuynh hướng tâm lý mà tôi có vô số cái hồi ức, kinh nghiệm và kiến thức. Tất thấy đều là cái thứ rác rưởi, ruồi bu, không xài được. Chỉ có cái biết chiều nay, dưới cái gốc bồ đề, dưới cái gốc cây rừng nè, tôi mới nhận ra: thì ra cái tướng đó là cái tướng của tất cả kiến thức mà mình bây giờ mình nhận xét ở mức rất ráo như vậy, nó được gọi là tướng tối thượng.

Gọi là tối thượng không phải nó là cái gì thiêng liêng, cao siêu ghê gớm, mà chỉ vì nó là cái bản chất rất ráo nhất mà khi hiểu được bằng cái trí tuệ giác ngộ của vị La-hán, người ta không còn tiếp tục phiền não nữa, nên nó được gọi là tối thượng.

Trong bản Pali, sắc tối thượng được giải nghĩa là: bởi vì đây là cái sắc án sú, sắc đề mục mà sau khi quán chiếu, quán sát rồi người ta chứng La-hán quả. Đây là cái sắc rất ráo, cái sắc chân đế, cái sắc mà người ta nhìn vào đó để chứng La-hán, thì cái sắc đó gọi là sắc tối thượng. Tất cả các điều kia, thọ tối thượng và tướng tối thượng cũng cứ vậy mà hiểu.

Có nghĩa sắc tối thượng là sắc ở mức độ rất ráo nhất mà khi thấy được rồi, người ta không còn cái tài nào để đam mê trong vật chất nữa. Ví dụ: khi mình không biết gì hết, mình thấy hoa hậu, diễn viên, người mẫu hay quá. Nhưng khi mình hiểu được tất cả chỉ là bốn alphabet thôi. Thứ nhất là carbon, hydrogen, oxygen, nitrogen. Biết rõ bốn cái này tự nhiên mình cũng hơi nản. Hoặc nếu mình là bác sĩ, một sinh viên trường y mới mổ xong cái xác người để thực tập, thì tưởng tượng lúc đó mình quải cỡ nào, quý vị biết không? Dĩ nhiên vài bữa nữa nó phôi pha, nhưng phải nói khi hiểu tới nơi tới chốn thì mình nản lắm.

Chẳng hạn bây giờ mình biết mấy chục phần trăm cơ thể của mình là nước không, các vị có thấy nản không? Nản lắm chứ. Các vị tưởng tượng, có một cái hình hài mà mình đang điên mê chứ không phải đam mê, điên mê, đắm đuối, mất ăn mất ngủ, gầy go xanh xao vàng vọt. Tưởng sao, chỉ cần nó mất thở thì nếu ở xứ nóng, trong vòng 24 tiếng đồng hồ không có máy lạnh là nó chảy nước; còn xứ lạnh mà không chích formol thì ba ngày là bắt đầu nó chảy nước.

Lúc đó coi như nó đẹp cỡ nào, cách đây mấy ngày nó cho mình cầm cái tay là mình về mình mất ngủ ba đêm, mà bây giờ ai đó mà lấy cái tay nó để vô tay mình là mình lại tiếp tục mất ngủ ba đêm, mà coi như bỏ ăn luôn vì nó ớn muốn chết.

Khi mà nó còn thở, còn thân nhiệt, biết tắm rửa, biết xài nước hoa, mỹ phẩm, các thứ phụ kiện, thì coi như nó đi bước nào là mình chết bước đó. Nó nhún, nó nhảy, nó sàng, nó lắc là coi như tim mình cũng đong đưa nhịp buồn theo đó, tối về tha hồ mất ngủ làm thơ.

Còn cái thứ mà khi nó tắt thở rồi, coi như mới hồi chiều nó hẹn đi ăn chè, mới hồi này thôi, mà lát sau nghe nó mới bị đụng xe, rồi bây giờ gia đình mới đem về cái nhà xác, gia đình cũng neo đơn nên kêu mình tối vô coi dùm cho em nó đỡ quạnh hiu. Thì quý vị tưởng tượng coi có thanh niên nào dám vô đó để mà cho em nó bớt quạnh hiu, hiếm lắm. Mà tôi nói còn cái nước non nào mà kêu, hồi xưa thì còn kêu bằng em, chứ bây giờ kêu thành bà nội chứ em cái gì nữa.

Cho nên trong cõi sanh tử luân hồi chúng ta đã sống với bao nhiêu lần. Chúng ta đã sống với sắc, thọ, tưởng. Nhưng mà những sắc, những thọ, những tưởng ấy nó có đưa ta về được với bến bờ nào không, giải thoát không? Không, nó toàn đưa ta về cõi đọa thôi, cho nên chúng không được gọi là tối thượng.

Nhưng mà sắc nào, thọ nào, tưởng nào, ở mức độ nào mà khi nhìn thấy nó ta bèn đắc A-la-hán, ta bèn không còn thích, không còn ghét nữa, thì cái đó mới gọi là tối thượng. Chữ tối thượng này có nghĩa là như vậy đó.

Vì sao cái kiếp sống cuối cùng này của vị La-hán được gọi là hữu tối thượng? Hữu ở đây là từ đồng nghĩa của từ kiếp sống. Là bởi vì mấy kiếp khác chết rồi còn đi nữa, còn chuyện phải làm nữa, làm sao được gọi là tối thượng. Riêng kiếp sống của vị La-hán được gọi là tối thượng vì ít nhất ba nghĩa:

Một, vị này không còn chỗ để đi.

Hai, không còn gì để nỗ lực nữa.

Ba, không có đối tượng nào để mà xứng đáng cúng dường hơn vị La-hán.

Nên cái kiếp cuối cùng của vị này được gọi là hữu tối thượng, tức kiếp sống cao nhất. Bởi vì đây là kiếp sống của một con người không còn chỗ nào cao hơn để đi, không còn chuyện gì để làm, và đây là đối tượng cúng dường cao nhất.

Chúc quý vị một ngày vui. Hẹn ngày mai gặp lại.